

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG KHÁNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/DS-ST

Ngày: 23 - 9 - 2022

V/v: “*Kiên đòi tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Kiệt

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Thế Nam;

2/ Ông Đinh Văn Thông.

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Quang Trực - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Yến- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 85/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ly N, sinh năm 1969. Địa chỉ: MPN S B, tổ A, khu phố C, phường B, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: Số D đường C, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N:

1. Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số B đường B, khu phố C, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. (Văn bản ủy quyền ngày 13/10/2020) (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1982. Địa chỉ: 3, đường số C, khu phố A, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 22/9/2022) (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Diệu H1 (tên gọi khác: Huỳnh Thị Diệu H2, Huỳnh Thị Ngọc B), sinh năm 1965. Địa chỉ: Số A đường số B, tổ A, khu phố C, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt).

- *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Văn T1, sinh năm 1963. Địa chỉ: Số A đường số B, tổ A, khu phố C, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 02/6/2021, các lời khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ly N do ông Nguyễn Thái H đại diện trình bày:*

Do có mối quan hệ từ trước, nên bà Nguyễn Thị Ly N có cho bà Huỳnh Thị Dịu H1 vay nhiều lần tiền. Cụ thể, năm 2017, bà H1 vay số tiền 200.000.000 đồng mục đích để xây nhà, sau đó bà H1 có bán cho bà N hai sào ruộng tại huyện X với giá 200.000.000 đồng để cân trừ nợ, khi mua bán hai bên chỉ viết giấy tay và thỏa thuận bà H1 sẽ làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N. Sau đó, bà H1 vay thêm 276.000.000 để xây nhà, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 06 tháng, bà H1 trả lãi được hai tháng. Đến ngày 11/01/2018, bà H1 có vay thêm 1.410.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả tiền 06 tháng. Hai bên có lập 02 giấy tay ghi giấy mượn tiền cùng ngày 11/01/2018. Trong đó, có một giấy mượn tiền ghi số tiền 1.410.000.000 đồng và một giấy ghi mượn số tiền 200.000.000 đồng và số tiền 276.000.000 đồng. Đối với giấy mượn số tiền 200.000.000 đồng và 276.000.000 đồng mà bà H1 mượn trước đó, bà H1 đã lấy lại và ghi lại giấy mượn tiền ngày 11/01/2018. Khi bà H1 mượn có thỏa thuận khi trả xong khoản nào thì bỏ đi tờ giấy mượn tiền đó. Sau đó, bà H1 không trả tiền cho bà như thỏa thuận nên bà yêu cầu bà H1 và ông T1 phải liên đới trả số tiền 1.886.000.000 đồng.

** Theo bản tự khai ngày 18/10/2021, các lời khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn bà Huỳnh Thị Dịu H1 trình bày:*

Trước đó, bà có mượn tiền của bà N nhiều lần và trả góp hằng ngày, đến ngày 11/01/2018, hai bên có chốt lại số tiền mà bà mượn là 200.000.000 đồng. Sau đó, bà có mượn thêm 76.000.000 đồng nữa là 276.000.000 đồng và bà có viết giấy tay ghi giấy mượn tiền với số tiền 276.000.000 đồng. Đối với số tiền 276.000.000 đồng này đã bao gồm 200.000.000 đồng mà bà ghi giấy mượn tiền trước đó. Cùng ngày hai bên có chốt lại số tiền mà bà nợ trước đó và số tiền 276.000.000 đồng nên ghi giấy mượn tiền với số tiền là 1.410.000.000 đồng và có thỏa thuận bà sẽ trả góp số tiền này trong vòng 06 tháng. Bà đã trả góp gần hết số tiền 1.410.000.000 đồng nhưng bà không cung cấp được chứng cứ gì ngoài những tin nhắn qua điện thoại mà bà đã cung cấp cho Tòa án. Hiện tại, bà chỉ còn thiếu bà N khoảng hơn 100.000.000 đồng. Đối với số tiền này, bà mượn của bà N sử dụng công việc riêng, chồng bà (ông T1) không biết và không liên quan đến số tiền mượn này.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N, yêu cầu bà và chồng liên đới trả số tiền 1.886.000.000 đồng thì bà không đồng ý.

** Theo bản tự khai ngày 01/8/2022, các lời khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T1 trình bày:*

Ông và bà Huỳnh Thị Diệu H1 chung sống với nhau từ năm 1984 cho đến nay, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X. Quá trình chung sống vợ ông có vay mượn bà N số tiền 1.886.000.000 đồng hay không thì ông không biết. Vợ ông và bà Ly N không cho ông biết việc vay mượn số tiền này và bà H1 không đem tiền về để sử dụng vào việc gia đình. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu ông liên đới trả số tiền 1.886.000.000 đồng, ông không đồng ý.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật và ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ly N . Buộc bà Huỳnh Thị Diệu H2 và ông Trần Văn T1 liên đới phải trả cho nguyên đơn số tiền 1.886.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ly N khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị Diệu H1 (tên gọi khác: Huỳnh Thị Diệu H2, Huỳnh Thị Ngọc B) và ông Trần Văn T1 phải liên đới thanh toán cho bà số tiền là 1.886.000.000 đồng và lãi suất 3%/tháng. Tuy nhiên, tại tòa nguyên đơn xác định chỉ khởi kiện yêu cầu đòi lại số nợ gốc là 1.886.000.000 đồng. Do đó quan hệ tranh chấp là “Kiện đòi tài sản”. Bị đơn có nơi cư trú tại khu phố C, phường X, thành phố L, Đồng Nai. Căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy: Tại (BL 43, 44) nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ly N có cung cấp 03 “giấy mượn tiền” ghi cùng ngày 11/01/2018. Trong đó, một “giấy mượn tiền” được ghi với số tiền 1.410.000.000 đồng góc bên phải phía dưới có chữ ký và chữ viết ghi tên người mượn Huỳnh Thị Ngọc B và hai giấy mượn tiền còn lại được ghi chung trên một tờ giấy kẻ ô ly học sinh với “giấy mượn tiền” ghi phía trên mượn số tiền 200.000.000 đồng và “giấy mượn tiền” được ghi phía dưới với số tiền 276.000.000 đồng; Góc bên phải phía dưới “giấy mượn tiền” 200.000.000 đồng có chữ ký và chữ viết ghi tên người bán... Huỳnh Thị Ngọc B; Góc bên phải phía dưới giấy mượn tiền 276.000.000 đồng có chữ ký và chữ viết ghi tên người mượn Huỳnh Thị Ngọc B. Tổng số tiền của ba “giấy mượn tiền” là

1.886.000.000 đồng. Nguyên đơn cho rằng bà H2 đã mượn số tiền trên của bà để xây nhà, nên nguyên đơn yêu cầu bà H2 và ông T1 (chồng bà H2) cùng liên đới thanh toán số tiền trên. Tại Bản tự khai ngày 18/10/2021, bà H2 chỉ thừa nhận có mượn của bà N số tiền 276.000.000 đồng, riêng số tiền 1.410.000.000 đồng bà không có mượn (BL 30). Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 29/10/2021, bà H2 thừa nhận “giấy mượn tiền” ghi ngày 11/01/2018 với số tiền mượn 276.000.000 đồng có chữ ký và chữ viết ghi tên người mượn Huỳnh Thị Ngọc B là chữ ký và chữ viết của bà. Riêng hai “giấy mượn tiền” còn lại với số tiền 200.000.000 đồng và 1.410.000.000 đồng không phải chữ ký và chữ viết của bà H2.

Tại Kết luận giám định số: 661/KL-KTHS ngày 11/3/2022 của Phân Viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Chữ ký đứng tên Huỳnh Thị Ngọc B, chữ viết họ tên “Huỳnh Thị Ngọc B” dưới mục “Người mượn”, “Người bán...” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Huỳnh Thị Dị H1 (Huỳnh Thị Ngọc B) trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2, M3, từ M5 đến M8 là do cùng một người ký, viết ra.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 04/8/2022, bà H1 thừa nhận hai “giấy mượn tiền” ghi ngày 11/01/2018 với số tiền 200.000.000 đồng và số tiền 1.410.000.000 đồng gửi đi giám định là do bà viết và ký tên.

Từ những phân tích trên nhận thấy, có cơ sở xác định chữ ký và chữ viết trên 03 “giấy mượn tiền” ghi cùng ngày 11/01/2018, với số tiền 200.000.000 đồng; 276.000.000 đồng và 1.410.000.000 đồng là chữ ký và chữ viết của bà H1. Do đó yêu cầu của bà N buộc bà H1 phải thanh toán cho bà N số tiền 1.886.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu của bà H1 về việc thừa nhận số tiền nợ là 1.410.000.000 đồng và bà H1 cho rằng đã trả cho bà N nhiều lần, hiện tại chỉ còn thiếu bà N khoản 100.000.000 đồng. Xét yêu cầu này nhận thấy: Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Ở đây, khi vay mượn tiền các bên có viết các giấy mượn tiền, nếu bà H1 đã thanh toán xong các khoản tiền nào thì phải thu hồi lại các giấy mượn tiền đó; hoặc bà H1 phải có chứng cứ để chứng minh việc thanh toán xong số tiền. Như vậy, do bà H1 không cung cấp chứng cứ, chứng minh nên không có cơ sở xem xét.

[2.3] Đối với yêu cầu của bà N về việc buộc ông T1 phải liên đới với bà H1 để trả cho bà N số tiền 1.886.000.000 đồng. Tuy nhiên ông T1, bà H1 không đồng ý và cho rằng số tiền bà H1 mượn của bà N, bà H1 sử dụng vào mục đích riêng, nên không liên quan đến ông T1. Xét yêu cầu này nhận thấy: Mặc dù khi vay mượn giữa bà N và bà H1, ông T1 không biết nhưng số tiền vay mượn 1.886.000.000 đồng là số tiền lớn và từ thời điểm vay mượn cho đến nay bà H1 và ông T1 vẫn chung sống với nhau. Tại (BL 30) bà H1 khai “mượn của bà N số tiền 276.000.000 đồng để làm sổ đất” và cũng thời điểm này, tại phiên tòa ông

T1, bà H1 cũng xác nhận vợ chồng ông đang xây nhà. Tại khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về trách nhiệm liên đới của vợ, chồng “Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện...” và khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng trong việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình “Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”. Do đó, việc vay tiền của bà H1 nhằm mục đích “làm sổ đất” hay “xây nhà” là sử dụng chung trong gia đình nên việc ông T1 và bà H1 cho rằng đây là nợ riêng của bà H1 là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy việc bà Nguyễn Thị Ly N khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị Diệu H1 (Huỳnh Thị Diệu H2, Huỳnh Thị Ngọc B) và ông Trần Văn T1 phải liên đới thanh toán cho bà N số tiền 1.886.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí tố tụng là 4.500.000 đồng (bà N đã nộp tạm ứng). Do yêu cầu của bà N được chấp nhận nên bà H2 và ông T1 phải hoàn trả cho bà N số tiền trên.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát phù hợp với chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 30, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03 tháng 12 năm 2012 Nghị quyết Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ly N.

Buộc bà Huỳnh Thị Diệu H1 (Huỳnh Thị Diệu H2, Huỳnh Thị Ngọc B) và ông Trần Văn T1 phải liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ly N số tiền 1.886.000.000 (Một tỷ tám trăm tám mươi sáu triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về chi phí tố tụng: bà H2 và ông T1 phải hoàn trả cho bà N chi phí giám định là 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm nghìn) đồng.

3. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Diệu H1 và ông Trần Văn T1 phải nộp 68.580.000 (Sáu mươi tám triệu năm trăm tám mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ly N số tiền 34.290.000 (Ba mươi bốn triệu hai trăm chín mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp, theo biên lai số 0008624 ngày 16 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Long Khánh;
- Chi cục THADS TP Long Khánh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Phan Anh Kiệt

[